

Số: 202 /QĐ-UBND

Khôi Kỳ, ngày 09 tháng 08 năm 2021

## **QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc: Công khai quyết toán thu chi ngân sách xã năm 2020  
đã được HĐND xã phê chuẩn**

### **CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ KHÔI KỶ**

*Căn cứ Luật tổ chức Chính quyền địa phương;*

*Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;*

*Thực hiện Thông tư số: 343/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách nhà nước đối với các cấp Ngân sách;*

*Thực hiện Nghị quyết số: 11/NQ-HĐND ngày 28/07/2021 của HĐND xã Khôi Kỳ khóa XX, nhiệm kỳ 2021-2025 thông qua tại kỳ họp thứ 02 về việc phê chuẩn quyết toán thu - chi ngân sách xã Khôi Kỳ năm 2020,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Công bố công khai số liệu quyết toán thu chi ngân sách xã năm 2020 đã được HĐND xã phê chuẩn. *(Theo các biểu chi tiết đính kèm).*

*(Thời gian niêm yết từ ngày 09/08/2021)*

**Điều 2.** Công chức Văn phòng - Thống kê, Tài chính- Kế toán UBND xã Khôi Kỳ chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Phòng TC Huyện Đại Từ;
- Đảng ủy, HĐND (b/c)
- UBMTTQ, các đoàn thể;
- Các đại biểu HĐND;
- Lưu VP.

**CHỦ TỊCH**  
  
**Nguyễn Văn Đoàn**



## CĂN ĐỔI QUYẾT TOÁN NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2020

(Quyết toán đã được Hội đồng nhân dân phê chuẩn)

Đơn vị: 1000 đồng

NỘI DUNG THU	QUYẾT TOÁN	NỘI DUNG CHI	QUYẾT TOÁN
<b>Tổng số thu</b>	<b>8.184.653</b>	<b>Tổng số chi</b>	<b>8.128.586</b>
I. Các khoản thu xã hưởng 100 %	54.940	I. Chi đầu tư phát triển	529.177
II. Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ	314.896	II. Chi thường xuyên	7.506.432
III. Thu bổ sung	7.722.088	III. Chi chuyển nguồn của ngân sách xã sang năm sau (nếu có)	92.977
- Bổ sung cân đối	4.258.000	IV. Chi nợ trả ngân sách cấp trên	
- Bổ sung có mục tiêu	3.464.088		
IV. Thu kết dư ngân sách năm trước	67.558		
V. Thu viện trợ			
VI. Thu chuyển nguồn từ năm trước sang của ngân sách xã (nếu có)	25.171		
<b>Kết dư ngân sách</b>	<b>56.067</b>		

Ghi chú: (1) Bao gồm 4 khoản thu từ thuế, lệ phí Luật NSNN quy định cho ngân sách xã hưởng và những khoản thu ngân sách địa phương được hưởng có phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%) cho xã.



## QUYẾT TOÁN THU NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2020

(Quyết toán đã được Hội đồng nhân dân phê chuẩn)

Đơn vị: 1000 đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN		QUYẾT TOÁN		SO SÁNH (%)	
		THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX
A		1	2	3	4	5 = 3/1	6 = 4/2
	<b>Tổng số thu</b>	5.703.000	5.703.000	8.964.765	8.184.653	157,19	143,51
<b>I</b>	<b>Các khoản thu 100%</b>	<b>42.300</b>	<b>42.300</b>	<b>54.940</b>	<b>54.940</b>	<b>129,88</b>	<b>129,88</b>
1	Phí, lệ phí	38.300	38.300	47.629	47.629	124,36	124,36
2	Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác						
3	Thu từ hoạt động kinh tế và sự nghiệp						
4	Thu phạt, tịch thu khác theo quy định			7.311	7.311		
5	Thu từ tài sản được xác lập quyền sở hữu của nhà nước theo quy định						
6	Đóng góp của nhân dân theo quy định						
7	Đóng góp tự nguyện của các tổ chức, cá nhân						
8	Thu khác	4.000	4.000				
<b>II</b>	<b>Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%)</b>	<b>227.700</b>	<b>227.700</b>	<b>1.162.566</b>	<b>314.896</b>	<b>510,57</b>	<b>138,29</b>
1	Các khoản thu phân chia	46.700	46.700	62.242	62.242	133,28	133,28
1.1	Thu sử dụng đất phi nông nghiệp			41	41		
1.2	Thu sử dụng đất nông nghiệp thu từ hộ gia đình						
1.3	Lệ phí môn bài thu từ cá nhân, hộ kinh doanh	6.700	6.700	6.600	6.600	98,51	98,51
1.4	Lệ phí trước bạ nhà, đất	40.000	40.000	55.602	55.602	139,00	139,00
2	Các khoản thu phân chia khác do cấp tỉnh quy định	181.000	181.000	1.100.324	252.654	607,91	139,59
2.1	Thu tiền sử dụng đất			847.670			
2.2	Thu tiền thuế mặt đất, mặt nước						
2.3	Thuế tài nguyên						
2.4	Thuế giá trị gia tăng	53.000	53.000	61.262	61.262	115,59	115,59
2.5	Thuế thu nhập doanh nghiệp						
2.6	Thuế thu nhập cá nhân	128.000	128.000	191.391	191.391	149,52	149,52
2.7	Thuế tiêu thụ đặc biệt						
<b>III</b>	<b>Thu viện trợ không hoàn lại trực tiếp cho xã (nếu có)</b>						
<b>IV</b>	<b>Thu chuyển nguồn</b>			<b>25.171</b>	<b>25.171</b>		



STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN		QUYẾT TOÁN				SO SÁNH (%)	
		THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX		
A		1	2	3	4	5 = 3/1	6 = 4/2		
V	Thu kết dư ngân sách năm trước				67.558				
VI	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	5.433.000	5.433.000	7.722.088	7.722.088	142,13	142,13		
1	Thu bổ sung cân đối	4.241.000	4.241.000	4.258.000	4.258.000	100,40	100,40		
2	Thu bổ sung có mục tiêu	1.192.000	1.192.000	3.464.088	3.464.088	290,61	290,61		


**QUYẾT TOÁN CHI NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2020**

(Quyết toán đã được Hội đồng nhân dân phê chuẩn)

Đơn vị: 1000 đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN			QUYẾT TOÁN			SO SÁNH Q/T/DT(%)		
		TỔNG SỐ	ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN	THƯỜNG XUYỀN	TỔNG SỐ	ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN	THƯỜNG XUYỀN	TỔNG SỐ	ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN	THƯỜNG XUYỀN
A	<b>TỔNG CHI</b>	<b>1</b>	<b>2</b>	<b>3</b>	<b>4</b>	<b>5</b>	<b>6</b>	<b>7 = 4/1</b>	<b>8 = 5/2</b>	<b>9 = 6/3</b>
	Trong đó:	5.703.000		5.703.000	8.128.586	529.177	7.599.409	142,53		133,25
1	Chi giáo dục									
2	Chi ứng dụng, chuyên giao công nghệ									
3	Chi y tế	114.432		114.432	109.962		109.962	96,09		96,09
4	Chi văn hóa, thông tin	22.000		22.000	159.731	143.131	16.600	726,05		75,45
5	Chi phát thanh, truyền thanh	3.000		3.000						
6	Chi thể dục, thể thao	15.000		15.000	11.300		11.300	75,33		75,33
7	Chi bảo vệ môi trường				1.073.079		1.073.079			
8	Chi các hoạt động kinh tế	25.000		25.000	481.450	329.450	152.000	1.925,80		608,00
9	Chi hoạt động của các cơ quan quản lý Nhà nước, Đảng, đoàn thể	5.206.268		5.206.268	4.922.994	56.596	4.866.398	94,56		93,47
10	Chi cho công tác xã hội	198.000		198.000	221.451		221.451	111,84		111,84
11	Chi khác				1.055.642		1.055.642			
12	Dự phòng, tiết kiệm chi	119.300		119.300						
13	Chi chuyển nguồn sang ngân sách năm sau				92.977		92.977			

# THỰC HIỆN THU, CHI CÁC HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH KHÁC

Năm 2020

(Quyết toán đã được Hội đồng nhân dân phê chuẩn)



Đơn vị: 1000 đồng

NỘI DUNG	KẾ HOẠCH			THỰC HIỆN		
	THU	CHI	CHÊNH LỆCH (+) (-)	THU	CHI	CHÊNH LỆCH (+) (-)
<b>TỔNG SỐ</b>	<b>107.710</b>	<b>107.710</b>		<b>230.321</b>	<b>200.894</b>	<b>29.427</b>
I. Hoạt động quỹ công chuyên dùng	107.710	107.710		212.290	185.201	27.089
- Quỹ đền ơn đáp nghĩa	15.800	15.800		15.660	11.193	4.467
- Quỹ bảo trợ trẻ em	16.410	16.410		16.370	20.388	(4.018 )
- Quỹ vì người nghèo	16.500	16.500		29.710	24.394	5.316
- Quỹ khuyến học	16.500	16.500		16.450	14.083	2.367
- Quỹ nhân đạo	16.500	16.500		16.340	7.645	8.695
- Quỹ CS người cao tuổi	26.000	26.000		26.055	22.235	3.820
- Quỹ phòng chống dịch covid				59.666	59.666	
- Quỹ phòng chống thiên tai				32.039	25.597	6.442
2. Chi hộ				18.031	15.693	2.338
- Chi hỗ trợ khác				4.000	4.000	
- Chi hỗ trợ lập DS tham gia BHYT				14.031	11.693	2.338

**CÔNG KHAI THUYẾT MINH**  
**Quyết toán thu chi ngân sách xã năm 2020 đã được HĐND xã phê chuẩn**

*Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước năm 2015;*

*Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;*

*Thực hiện Thông tư số: 343/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách nhà nước đối với các cấp Ngân sách;*

*Thực hiện Nghị quyết số: 11/NQ-HĐND ngày 28/07/2021 của HĐND xã Khôi Kỳ khóa XX, nhiệm kỳ 2021-2025 thông qua tại kỳ họp thứ 02 về việc phê chuẩn quyết toán thu - chi ngân sách xã Khôi Kỳ năm 2020,*

*UBND xã Khôi Kỳ thuyết minh quyết toán thu chi ngân sách xã năm 2020 đã được HĐND xã phê chuẩn như sau:*

**I. Tổng thu ngân sách trên địa bàn: 8.184.652.727 đ** bằng 143,51% kế hoạch giao

**\* Thu cân đối từ thuế và phí kế hoạch giao: 270.000.000 đồng.** Thực hiện: 369.835.403 đồng đạt 143,51% KH năm cụ thể:

+ Lệ phí chứng thư KH giao: 38.300.000 đồng, thực hiện: 47.629.000 đồng đạt 124,36% kế hoạch.

+ Thu khác kế hoạch giao: 4.000.000 đồng, thực hiện: 7.310.579 đồng, đạt 182,76% kế hoạch giao

+ Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp: 40.500 đồng

+ Lệ phí môn bài kế hoạch giao: 6.700.000 đồng, thực hiện: 6.600.000 đồng đạt 98,51% kế hoạch.

+ Lệ phí trước bạ nhà, đất kế hoạch giao: 40.000.000 đồng, thực hiện: 55.601.731 đồng đạt 139,00% kế hoạch giao

+ Thuế GTGT kế hoạch giao: 53.000.000 đồng, thực hiện: 61.262.230 đồng đạt 115,59% kế hoạch giao.

+ Thuế thu nhập cá nhân kế hoạch giao: 128.000.000 đồng, thực hiện: 191.391.363 đồng đạt 149,52% kế hoạch giao



\* **Thu trợ cấp từ ngân sách cấp trên thực hiện: 7.722.088.100 đ** đạt 142,13 % kế hoạch, bổ sung tăng trong năm: **2.289.088.100 đ**, chi tiết các khoản bổ sung tăng trong năm gồm:

<b>Nội dung</b>	<b>Số tiền (đồng)</b>
Trung tâm văn hóa thể thao xã Khôi Kỳ huyện Đại Từ	143.131.000
Đường GTNT xã Khôi Kỳ năm 2019, hạng mục: Đường BTXM xóm Gò Miều	24.533.500
Đường GTNT xã Khôi Kỳ năm 2019, hạng mục: Đường BTXM xóm La Phác	13.622.000
Đường GTNT xã Khôi Kỳ năm 2019 (lần 2), hạng mục: Đường BTXM xóm Cuốn Cờ, Đức Long, Đồng Bãi	100.844.500
Đường GTNT xã Khôi Kỳ năm 2019 (lần 2), hạng mục: Đường BTXM xóm La Phác, Gò Lá, Bãi Chè, Đồng Hoan	190.450.000
Đường GTNT xã Khôi Kỳ, hạng mục: Đường BTXM xóm Đồng Hoan	1.071.000.000
KP cấp giấy CNQSD đất	11.000.000
KP phòng chống Ma túy	5.000.000
KP an toàn giao thông	5.000.000
KP mua khẩu trang phòng chống COVID	68.510.000
KP đại hội đảng bộ	142.000.000
KP khắc phục ô nhiễm, cải tạo môi trường	3.000.000
KP phòng chống dịch tả Châu Phi	67.400.000
KP lắp đặt thiết bị phòng họp trực tuyến	80.000.000
KP hỗ trợ tiền điện hộ nghèo	45.201.600
KP hỗ trợ PTSX	152.000.000
KP duy tu	49.800.000
KP bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng dự án Khu dân cư xóm Hòa Bình	56.595.500
Điều chỉnh tăng theo NQ 07	60.000.000
<b>Tổng cộng</b>	<b>2.289.088.100</b>

Thu chuyển nguồn năm 2019 sang năm 2020 thực hiện: **25.171.000** đồng Trong đó:

- + Thu chuyển nguồn tăng thu để chi điều chỉnh mức lương cơ sở, điều chỉnh lương hưu, trợ cấp hưu xã: **23.092.000** đồng;

- + Tiền chi phí thâm định công trình Đập Vai Làng: **2.079.000** đồng.

\* **Đánh giá chung về thu ngân sách xã năm 2020:** Chủ động rà soát các nguồn thu, tăng cường đôn đốc thu. Trong năm UBND xã đã cố gắng phấn đấu thực hiện tốt chỉ tiêu thu ngân sách trên địa bàn và đạt được những kết quả nhất định, đáp ứng



phần nào nhiệm vụ chi ngân sách của địa phương, hầu hết các khoản thu cân đối trên địa bàn đều đạt và vượt so với kế hoạch.

## **II. Tổng chi ngân sách: 8.128.585.802 đồng đạt 142,53 % dự toán chi**

### **1. Chi đầu tư: 529.176.500 đồng Trong đó:**

<b>TT</b>	<b>Tên công trình được thanh toán</b>	<b>Số tiền (đồng)</b>
1	+ Đường GTNT xã Khôi Kỳ năm 2019, hạng mục: Đường BTXM xóm Gò Miều	24.533.500
2	+ Đường GTNT xã Khôi Kỳ năm 2019, hạng mục: Đường BTXM xóm La Phác	13.622.000
3	+ Đường GTNT xã Khôi Kỳ năm 2019 (lần 2), hạng mục: Đường BTXM xóm Cuồn Cờ, Đức Long, Đồng Bãi	100.844.500
4	+ Đường GTNT xã Khôi Kỳ năm 2019 (lần 2), hạng mục: Đường BTXM xóm La Phác, Gò Lá, Bãi Chè, Đồng Hoan	190.450.000
5	+ Xây dựng công trình: Trung tâm văn hóa thể thao xã Khôi Kỳ huyện Đại Từ	143.131.000
6	+ KP bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng dự án Khu dân cư xóm Hòa Bình	56.595.500
	<b>Cộng</b>	<b>529.176.500</b>

- Đã tiếp nhận 309,8 tấn xi măng làm đường giao thông nông thôn năm 2020:

+ Đường GTNT xã Khôi Kỳ năm 2020, hạng mục: Tuyến đường BTXM xóm Đồng Hoan Tuyến 1 dài 190m xi măng 31 tấn ( đã quyết toán).

+ Đường GTNT xã Khôi Kỳ năm 2020, hạng mục: Tuyến đường BTXM xóm Phú Nghĩa tuyến 1 dài 250m với xi măng: 40,8 tấn (đã quyết toán).

+ Đường GTNT xã Khôi Kỳ năm 2020, hạng mục: Tuyến đường BTXM xóm Đồng Hoan Tuyến 2 dài 80m xi măng 13 tấn ( đã quyết toán).

+ Xi măng vật tư A cấp Đường GTNT xã Khôi Kỳ, hạng mục: Đường BTXM xóm Đồng Hoan dài 837,7 m với 225 tấn xi măng (đã quyết toán)

### **2. Chi thường xuyên: 7.599.409.302 đồng, đạt 133,25% so với dự toán**

Chi tiết một số khoản chi chính như sau:

- Chi công tác dân quân tự vệ (lương, phụ cấp, BHXH, BHYT, KPCĐ, chi khác) kế hoạch: 570.314.492 đồng, TH: 590.314.445 đồng đạt 103,51 %;

- Chi trật tự an toàn XH (lương, phụ cấp, BHXH, BHYT, KPCĐ, chi khác) kế hoạch: 518.928.848 đồng, TH: 462.927.995 đồng đạt 89,21%; thực hiện giảm

- Chi văn hoá - thông tin dự toán: 22.000.000 đồng, thực hiện: 16.600.000 đ đạt 75,45 %;

- Chi thể dục-thể thao dự toán: 15.000.000 đồng, thực hiện: 11.300.000 đ đạt 75,33 %;

- Chi bảo vệ môi trường thực hiện: 1.073.079.000 đ;

- Chi các hoạt động kinh tế dự toán: 25.000.000 đồng, thực hiện 152.000.000 đồng đạt 608,00 % tăng do "Hỗ trợ phát triển sản xuất, nâng cao chất lượng sản xuất lúa" cho người dân trên địa bàn xã Khôi Kỳ năm 2020

- Chi quản lý Nhà nước, Đảng, Đoàn thể dự toán: 4.117.024.660 đồng, thực hiện: 4.866.398.262 đồng đạt 118,2 % kế hoạch, nguyên nhân tăng là do bổ sung kinh phí cho UBND các xã, thị trấn để thực hiện Nghị quyết số 07/2019/NQ-HĐND ngày 11/12/2019 quy định số lượng, chức danh và mức phụ cấp đối với người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã và ở xóm, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên và một số nhiệm vụ chi thường xuyên khác cụ thể như sau:

+ Quản lý nhà nước (lương, phụ cấp, BHXH, BHYT, KPCĐ, chi khác) dự toán: 2.189.024.748 đồng, thực hiện: 2.872.372.995 đ đạt 131,22 %;

+ Chi công tác Đảng: (lương, phụ cấp, trợ cấp - BHXH, BHYT, KPCĐ, chi khác) KH: 707.066.864 đồng thực hiện: 935.549.341 đồng đạt 132,31% dự toán.

+ Chi công tác MTTQ: (lương, phụ cấp, trợ cấp - BHXH, BHYT, KPCĐ, chi khác) KH: 377.728.988 đồng thực hiện: 467.346.708 đồng đạt 123,73% dự toán.

+ Chi công tác ĐTN: (lương, phụ cấp, trợ cấp - BHXH, BHYT, KPCĐ, chi khác) KH: 158.640.788 đồng thực hiện: 111.726.774 đồng đạt 70,43% dự toán.

+ Chi hoạt động hội Phụ nữ: (lương, phụ cấp, trợ cấp - BHXH, BHYT, KPCĐ, chi khác) KH: 147.405.748 đồng thực hiện: 103.308.455 đồng đạt 70,08% dự toán.

+ Chi hoạt động hội Nông dân: (lương, phụ cấp, trợ cấp - BHXH, BHYT, KPCĐ, chi khác) KH: 151.070.776 đồng thực hiện: 120.864.395 đồng đạt 80,01% dự toán.

+ Chi hoạt động hội CCB: (lương, phụ cấp, trợ cấp - KPCĐ, chi khác) KH: 160.826.748 đồng thực hiện: 121.925.594 đồng đạt 75,81% dự toán.

- Chi công tác xã hội dự toán: 198.000.000 đồng, thực hiện: 221.450.600 đồng đạt 111,84% kế hoạch.

Hầu hết các khoản chi cho các đoàn thể đạt tỷ lệ thấp là do trong thực hiện Nghị quyết số 07/2019/NQ-HĐND ngày 11/12/2019 của HĐND tỉnh Thái Nguyên, điều chỉnh sang chi từ quản lý nhà nước và đảng, MTTQ.

**\* Đánh giá chung về chi ngân sách xã năm 2020:** Chi ngân sách đảm bảo kinh phí chi lương, phụ cấp, chi thường xuyên cho các ban ngành đoàn thể. Thực hành tiết kiệm được đề cao và tổ chức thực hiện nghiêm túc trong quản lý chi tiêu ngân sách, đảm bảo đầy đủ nguồn ngân sách chi theo dự toán được giao cũng như các khoản phát sinh theo chế độ. Kịp thời các khoản chi phục vụ dịch bệnh covid 19, thực hiện hỗ trợ kinh phí phục vụ dịch tả lợn Châu Phi, ĐH Đảng bộ và các khoản chi phát sinh cho chế độ.

Việc triển khai các nguồn vốn ĐTXD của xã cơ bản đã đáp ứng theo kế hoạch các công trình xây dựng triển khai theo đúng trình tự thủ tục đầu tư XD, đảm bảo tiến độ thi công, chất lượng công trình XD, tiến độ thanh toán, tiến độ quyết toán hoàn thành, công tác giải ngân trả nợ nguồn vốn được cấp đúng theo Luật đầu tư công, vận dụng linh hoạt các nguồn vốn ngân sách đầu tư xây dựng công trình như nguồn vốn nhân dân đóng góp, cũng như vốn hỗ trợ của huyện để hoàn thành thanh toán cho nhà thầu xây dựng không để nợ đọng kéo dài.

### 3. Chi chuyển nguồn năm 2020 sang năm 2021:

TT	Nội dung chuyển nguồn	Số tiền (đồng)
1	Chuyển nguồn cải cách tiền lương năm 2020 chưa sử dụng tiếp tục chuyển sang năm 2021	23.092.000
2	Chuyển nguồn 70% tăng thu ngân sách 2020 chuyển nguồn sang năm 2021	69.885.000
	<b>Tổng cộng</b>	<b>92.977.000</b>

### 1. Phân tích số kết dư năm 2020 chuyển năm 2021:

TT	Nội dung kết dư	Số tiền (đồng)
1	Nguồn dự phòng	48.990.000
2	Nguồn tiết kiệm chi 6 tháng cuối năm	5.000.000
3	Kết dư nguồn chi thường xuyên	2.076.925
	<b>Tổng cộng</b>	<b>56.066.925</b>

### III. Quản lý thu chi quỹ tài chính khác ngoài ngân sách

T T	Nội dung	Tồn năm 2019 chuyển sang	Thu năm 2020	Chi năm 2020	Tồn quỹ năm 2020
1	Quỹ đền ơn đáp nghĩa	5.412.000	15.660.000	11.193.000	9.879.000
2	Quỹ bảo trợ trẻ em	9.945.000	16.370.000	20.388.000	5.927.000
3	Quỹ vì người nghèo	24.093.000	29.710.000	24.393.500	29.409.500
4	Quỹ khuyến học	17.122.000	16.450.000	17.572.500	19.489.500
5	Quỹ nhân đạo	14.868.000	16.340.000	7.644.500	23.563.500
6	Quỹ CS người cao tuổi	590.000	26.055.000	22.234.500	4.410.500
7	Quỹ phòng, chống covid	0	59.666.000	59.666.000	0
	<b>Tổng cộng</b>	<b>72.030.000</b>	<b>180.251.000</b>	<b>163.092.000</b>	<b>92.679.000</b>

Trên đây là công khai thuyết minh quyết toán thu chi ngân sách xã năm 2020 đã được HĐND xã phê chuẩn.

**Nơi nhận:**

- Phòng TC Huyện Đại Từ;
- ĐU, HĐND;
- UB MTTQ, các đoàn thể;
- Các đại biểu HĐND;
- Trưởng xóm;
- Lưu VP.



**Nguyễn Văn Đoàn**

THÁI NG